

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 18/01/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Bé

2. Bà: Bùi Thị Là

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn B; sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng;

- Bị đơn: Đặng Quốc P; sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng;

“Cả hai đều có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn S; sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng

“Vắng mặt, có ý kiến xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn ông Dương Văn B thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì:

Do chỗ quen biết với nhau nên vào ngày 15/9/2019 và ngày 08/12/2019 ông có cho ông Đặng Quốc P mượn tiền 02 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng để giải quyết việc riêng của ông Phương; hai bên có viết giấy mượn tiền do ông P viết và ký tên. Tổng cộng là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Tiếp đến ngày 10/01/2020 ông tiếp tục cho ông P mượn chiếc xe mô tô hiệu SH đứng tên ông mang biển kiểm soát 49C1- 055.00, và ông P có nhờ ông cầm tại tiệm cầm đồ “Sơn Hà” để vay số tiền 40.000.000 đồng; Hai bên thỏa thuận ông P phải trả tiền lãi suất cầm cố xe và hai tháng sau sẽ trả xe.

Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền của các lần nêu trên không nêu ngày trả nợ và lãi suất; nhưng các lần giao dịch đều thỏa thuận với nhau vài (02) tháng sẽ trả. Nhưng đến nay; mặc dù, ông đã đòi nhiều lần nhưng ông P không trả cho ông cả tiền lẫn xe.

Ngoài ra, trong thời gian cho ông P mượn xe, ông không có xe làm p tiện đi lại; ông có nói ông P chuộc xe về trả cho ông, thì ông P nói “ Tạm thời anh cứ thuê xe ngoài mà đi, tiền thuê em trả” và ông đã thuê xe ngoài đi thời gian gần 01 năm với số tiền 30.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại theo như thỏa thuận với ông P.

Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đặng Quốc P phải trả cho ông số tiền mượn là 100.000.000 đồng; tiền thuê xe là 30.000.000 đồng; tổng cộng là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) và 01 chiếc xe mô tô hiệu SH nêu trên; ông không yêu cầu tính lãi suất bất kỳ khoản tiền nào.

Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* Theo lời trình bày của bị đơn ông Đặng Quốc trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì:

Sự việc vay mượn tiền và xe giữa ông và ông B theo như lời khai trình bày của ông B nêu trên là đúng; hiện tại, ông còn nợ ông số tiền 100.000.000 đồng tiền mượn và 40.000.000 đồng từ việc cầm cố xe máy của ông B mang biển kiểm soát 49C1- 055.00 để lấy tiền; bản chất của việc mượn xe là mượn tiền; do thời điểm đó ông cần tiền giải quyết việc riêng chứ không liên quan đến gia đình. Ông B lúc đó cũng không có tiền mặt nên đồng ý cầm xe máy cho ông mượn tiền và ông có thỏa thuận đóng tiền lãi suất cầm xe cho ông bảy 02 tháng. Do đó, tổng 03 lần ông mượn tiền của ông B là 140.000.000 đồng thì ông đồng ý trả. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn.

Vì vậy; ông chỉ có khả năng trả cho ông B tổng số tiền 140.000.000 đồng và tự nguyện hỗ trợ ông B 10.000.000 đồng tiền lãi suất cầm xe. Tổng cộng là 150.000.000 đồng, chia làm 03 đợt theo phân kỳ trả nợ như sau:

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 trả 50.000.000 đồng;

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 trả 50.000.000 đồng

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 trả 50.000.000 đồng;

Nếu tại phiên tòa hôm nay ông B không đồng ý cho ông trả theo phân kỳ trả nợ như trên thì ông cũng không đồng ý hỗ trợ cho ông B số tiền 10.000.000 đồng là tiền lãi suất cầm xe nữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông B về số tiền 30.000.000 đồng là tiền ông B thuê xe làm phương tiện đi lại trong thời gian ông mượn xe máy của ông B cầm cố và ông hứa trả tiền thuê xe cho ông B là không đúng; ông chỉ hứa đóng tiền lãi suất cầm xe 02 tháng mà thôi. Vì vậy, ông không đồng ý trả số tiền này.

Ngoài ra, ông không có ý kiến gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng việc vay, mượn tiền và xe giữa các đương sự là đúng. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thì tổng số tiền ông P vay mượn tiền là 140.000.000 đồng; trong đó, tiền mượn trực tiếp 02 lần là 100.000.000 đồng; tiền mượn thông qua giao dịch cầm xe là 40.000.000 đồng.

Nay, ông Bảy khởi kiện yêu cầu ông P trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất; tại phiên Tòa ông P cũng đồng ý. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả xe máy của ông B; xét thấy, bản chất đây là giao dịch mượn tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc ông P phải trả cho ông B số tiền 40.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng tiền ông B thuê xe thì không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí, đề nghị HĐXX xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xuất phát từ việc ông P trực tiếp vay mượn tiền của ông B với số tiền 100.000.000 đồng và 40.000.000 đồng thông qua giao dịch mượn xe máy cầm cố vay tiền; khi đến hạn không trả, nên hai bên phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn ông Dương Văn B và

bị đơn ông Đặng Quang P. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Ngày 15/9/2019 và ngày 08/12/2019 ông có cho ông P mượn tổng cộng là 100.000.000 đồng, ông P là người trực tiếp viết giấy mượn tiền; Tuy nhiên, đến nay chưa trả cho ông; mặc dù ông đã đòi nhiều lần nhưng không có kết quả; tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông P thống nhất như lời khai trình bày của ông B là đúng và đồng ý trả số tiền nêu trên cho ông B. Xét yêu cầu của ông B là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận. Ông B không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu trả lại xe mô tô hiệu SH mang biển kiểm soát 49C1- 055.00 đứng tên Dương Văn B hiện đang cầm cố tại tiệm cầm đồ “Sơn Hà” thuộc thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông thì thấy rằng: Tuy, ông P là người trực tiếp viết giấy mượn xe nhưng ông B là người trực tiếp cầm xe và trực tiếp lấy tiền sau đó giao tiền cho ông P; Hơn nữa, ông P cũng khai rằng bản chất là mượn tiền chứ không phải mượn xe; tại thời điểm đó ông B không có tiền mặt nên thỏa thuận lấy xe máy ông B đem cầm cố để lấy tiền và thống nhất ông P phải đóng lãi suất theo thỏa thuận cầm cố xe 02 tháng; sau đó thì phải trả tiền để ông B trả cho tiệm cầm đồ lấy xe về. Mặt khác, thì ông B là người trực tiếp ký kết hợp đồng cầm xe và lấy tiền đưa cho ông P. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các bên, bản chất là mượn tiền. Do đó, cần buộc ông P phải trả cho ông B số tiền 40.000.000 đồng nêu trên là phù hợp pháp luật; ông B không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bác yêu cầu kiện đòi tài sản của ông B là chiếc xe mô tô SH mang biển kiểm soát 49C1 055.00 mang tên Dương Văn B;

Đối với yêu cầu trả số tiền 30.000.000 đồng là tiền ông B phải thuê xe khác làm phương tiện đi lại trong thời gian ông B cho ông P mượn xe để cầm cố; ông P có hứa trả. Tại phiên Tòa hôm nay ông P không đồng ý vì cho rằng ông không có thỏa thuận với ông B khoản tiền này; Mặt khác, ông B cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có giá trị chứng minh cho yêu cầu này. Do đó, không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn tại phiên tòa thì: Hiện nay chưa trả tiền cho ông B là vì điều kiện kinh tế có khó khăn; mặt khác, ông chỉ mượn ông B tổng số tiền 140.000.000 đồng. Trong đó, 100.000.000 đồng là tiền mượn trực tiếp và 40.000.000 đồng tiền mượn thông qua giao dịch cầm xe là đúng và ông đồng ý trả cho ông B số tiền là 140.000.000 đồng và tự nguyện hỗ trợ ông B 10.000.000 đồng với điều kiện ông B đồng ý cho ông trả dần theo phân kỳ nêu trên. Nếu ông B không đồng ý thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật và ông cũng không đồng ý hỗ trợ ông B số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi suất cầm xe như đã nêu trên. Tại phiên tòa ông B không đồng ý với phương thức phân kỳ trả nợ cũng như ý kiến bị đơn. Xét, ý kiến của ông p là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, cần buộc ông P phải trả cho ông B tổng số tiền

140.000.000 đồng. Đối với số tiền tự nguyện ủng hộ 10.000.000 đồng tiền lãi suất cầm xe của ông P cho ông B là sự tự nguyện có điều kiện; tuy nhiên, ông B không đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng ông P không đồng ý trả vì lý do ông không có bất kỳ thỏa thuận nào với ông B về việc này; xét đây là hành vi đơn phương của ông B không được ông P đồng ý nên chấp nhận ý kiến của ông P. Bác yêu cầu khởi kiện của ông B đối với khoản tiền này.

[4] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trong hồ sơ vụ án thì:

Việc tiệm cầm đồ “S” của ông có ký hợp đồng cầm xe máy với ông Dương Văn B vào ngày 10/01/2020 là đúng. Ông B có đến tiệm cầm đồ của ông để cầm chiếc xe SH mang biển kiểm soát 49C1 – 055.00 đứng tên Dương Văn B để lấy số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận; sau khi ký kết hợp đồng xong ông đưa tiền cho ông B là chủ xe, ông B đưa số tiền đó cho ông Ph; sau này thấy ông P trả tiền lãi suất cầm xe thay cho ông B được 02 tháng thì không trả nữa; ông có liên hệ cho ông B đến chuộc xe nhưng không thấy ông B đến. Hiện nay xe máy SH ông còn giữ, ông B là chủ xe; do đó, ông B đem tiền đến chuộc xe theo hợp đồng thì ông đồng ý trả xe. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chung trong cùng một vụ án này và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả là: 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 147, 203, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn B; buộc ông Đặng Quốc P phải trả cho ông Dương Văn B số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự. Trường hợp đương sự chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu đòi lại tài sản là chiếc xe máy hiệu SH mang biển kiểm soát 49C1-055.00 đứng tên ông Dương Văn B và số tiền 30.000.000 đồng tiền thuê xe của nguyên đơn ông Dương Văn B.

2. Về án phí:

Buộc ông Đặng Quốc P phải nộp số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Dương Văn B phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 3.250.000 đồng tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004219 ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông B số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) án phí còn dư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự được biết, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/01/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hồng Chiến

